TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NHƠN TRẠCH** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 60/2019/HNGĐ-ST.
Ngày: 23-9-2019
V/v "Tranh chấp về ly hôn, nuôi con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NHƠN TRẠCH - TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Thức
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Trần Thanh Phương
2. Bà Phan Thị Hiếu

Thư ký phiên tòa: Bà Lý Kim Yến – Thư ký Toà án, Tòa án nhân dân huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai *tham gia phiên tòa:* Ông Nguyễn Hồng Sơn - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 9 năm 2019, tại Phòng xét xử Tòa án nhân dân huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 771/2018/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 12 năm 2018 về việc "Tranh chấp về ly hôn, nuôi con chung", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 87/2019/QĐXX-HNGĐ ngày 09 tháng 9 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà **Trần Thị Kim T**, sinh năm 1991
Địa chỉ: Ấp B, xã P, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai
- *Bị đơn:* Ông **Lê Thanh H**, sinh năm 1985
Địa chỉ: Số 361, tổ 12, ấp 2, xã P, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai

(Bà T có mặt, ông H vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, lời khai tiếp theo và tại phiên tòa nguyên đơn bà Trần Thị Kim T trình bày:

Bà T và ông Lê Thanh H chung sống tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được UBND xã P, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 18/9/2009. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng thời gian sau vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên cải vã. Ông bà chính thức ly thân 03 năm nay không gặp nhau để bàn bạc đoàn tụ.

Nay bà T cương quyết xin ly hôn ông H vì không còn tình cảm vợ chồng.

Về con chung: Vợ chồng chung sống có một con chung là cháu Lê Thị Tuyết H, sinh ngày 25/3/2009. Bà T yêu cầu được nuôi dưỡng con chung cháu H và không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không tranh chấp nên không yêu cầu Tòa án giải quyết

nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa xem xét giải quyết.

Tại bản tự khai, bị đơn ông Lê Thanh H có ý kiến trình bày:

Ông và bà Trần Thị Kim T chung sống tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được cấp giấy chứng nhận kết hôn năm 2009. Ông và bà T sống ly thân 03 năm nay do ông bà cãi vã vì bất đồng tính cách. Nay bà T xin ly hôn, ông không đồng ý vì vẫn còn tình cảm với bà T.

Về con chung: Vợ chồng chung sống có một con chung là cháu Lê Thị Tuyết H, sinh ngày 25/3/2009

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa xem xét giải quyết

Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa xem xét giải quyết.

Ông H đề nghị Tòa án giải quyết vụ án vắng mặt ông.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm tố tụng: Tòa án nhân dân huyện Nhơn Trạch thụ lý và xác định quan hệ pháp luật của vụ án là ly hôn đúng với quy định của pháp luật. Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử đúng theo quy định pháp luật; Về tư cách tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ, thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu, thời hạn đưa vụ án ra xét xử, nguyên tắc xét xử đúng quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử tiến hành đúng trình tự, thủ tục. Nguyên đơn chấp hành đúng quy định pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn cho bà Tuyết được ly hôn ông H, giao con chung cháu Lê Thị Tuyết H, sinh ngày 25/3/2009 cho bà T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, về án phí nguyên đơn phải chịu theo luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm vấn tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả thẩm vấn, tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

1/ Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền:

Nguyên đơn bà Trần Thị Kim T nộp đơn đúng trình tự thủ tục, yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với bị đơn ông Lê Thanh H, xác định quan hệ pháp luật của vụ án là "tranh chấp về ly hôn, nuôi con chung", bị đơn cư trú tại Nhơn Trạch nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

2/ Về tư cách đương sự:

Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 68 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xác định: Nguyên đơn bà Trần Thị Kim T; bị đơn ông Lê Thanh H. Ông H có ý kiến xin xét xử vắng mặt nên căn cứ vào Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xử vắng mặt ông H.

3/ Xét yêu cầu khởi kiện:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Kim T và ông Lê Thanh H chung sống tự nguyện, có đăng ký kết hôn nên được xem là hôn nhân hợp pháp. Tại phiên tòa, bà T cương quyết xin ly hôn ông H và khai nại không còn tình cảm vợ chồng với ông H, thời gian ly thân đã lâu vợ chồng không gặp nhau bàn bạc đoàn tụ. Ông H khai ông bà sống ly thân 03 năm nay nhưng không đồng ý ly hôn do vẫn còn tình cảm với bà T. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án tổ chức hòa giải, triệu tập nhiều lần nhưng ông H vẫn không đến Tòa hòa giải với bà T. Từ các chứng cứ trên cho thấy ông H không có thiện chí hòa giải mâu thuẫn, không mong muốn đoàn tụ xây dựng gia đình hạnh phúc với bà T. Thời gian ly thân đã lâu, mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng, do đó cho bà bà T được ly hôn ông H là phù hợp quy định pháp luật.

- Về con chung: Ông bà khai chung sống có một con chung là cháu Lê Thị Tuyết H, sinh ngày 25/3/2009. Ông H không trình bày ý kiến về việc nuôi dưỡng và cấp dưỡng nuôi con chung. Bà T có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng con chung cháu H và không yêu cầu ông H cấp dưỡng. Xét thấy, từ khi bà T và ông H ly thân, cháu H được bà T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng tốt và cháu H cũng có nguyện vọng được sống với bà T. Do đó giao cháu H cho bà T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng là phù hợp quy định pháp luật, bà T không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung: Bà T, ông H khai không tranh chấp nên hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về nợ chung: Bà T, ông H khai không có nên hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về án phí: Theo quy định tại điểm a, khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội thì nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Do đó, bà T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Xét quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát phù hợp nhận định trên nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 147, 220, 228, 266, 267 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000.

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu,miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị Kim T đối với bị đơn ông Lê Thanh H về việc "Tranh chấp về ly hôn, nuôi con chung".

Tuyên xử:

Cho bà Trần Thị Kim T được ly hôn ông Lê Thanh H.

Về con chung: Giao con chung cháu Lê Thị Tuyết H, sinh ngày 25/3/2009 cho bà T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Tạm thời ông H không phải cấp dưỡng

nuôi con và được quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được quyền ngăn cản. Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết các đương sự được quyền xin thay đổi vị trí nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Bà T, ông H không tranh chấp nên hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về nợ chung: Bà T, ông H khai không có nên hội đồng xét xử không xem xét giải quyết

- Về án phí: Bà Trần Thị Kim T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Khấu trừ vào số tiền 300.000đồng tạm ứng án phí bà T đã nộp theo biên lai thu số 004437 ngày 05/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nhơn Trạch (bà T đã nộp xong).

Báo các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết hợp lệ bản án.

Nơi nhận:
- VKS,THADS,TAT;
- UBND xã, PTP;
- Đương sự;
- Lưu (HS, VP).

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Duy Thức